

Số: *4869*/QĐ-BNN-TCTL

Hà Nội, ngày *10* tháng *11* năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Định mức kinh tế kỹ thuật trong quản lý khai thác công trình thủy lợi do Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Dầu Tiếng-Phước Hòa quản lý

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 199/2013/NĐ-CP ngày 26/11/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 487/QĐ/BNN-KH ngày 21/02/2006 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Định mức kinh tế kỹ thuật trong công tác quản lý khai thác công trình thủy lợi thuộc Công ty khai thác thủy lợi Dầu Tiếng (nay là Công ty TNHH MTV khai thác thủy lợi Dầu Tiếng - Phước Hòa);

Căn cứ ý kiến thỏa thuận của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tại Văn bản số 2639/LĐT BXH-LĐTL ngày 25/7/2014 và Bộ Tài chính tại Văn bản số 9552/BTC-TCDN ngày 15/7/2014;

Xét đề nghị của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Khai thác thủy lợi Dầu Tiếng-Phước Hòa tại Tờ trình số 23/TTr-TLDTPH ngày 23/6/2014 về việc phê duyệt sửa đổi, bổ sung Định mức kinh tế kỹ thuật trong quản lý khai thác công trình thủy lợi;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy lợi, kèm theo Báo cáo thẩm định số 163 /BC-TCTL-QLCT ngày 23 tháng 9 năm 2014 về sửa đổi, bổ sung Định mức kinh tế kỹ thuật trong quản lý khai thác công trình thủy lợi do Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Dầu Tiếng-Phước Hòa quản lý,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Định mức kinh tế kỹ thuật trong quản lý khai thác công trình thủy lợi do Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Khai thác thủy lợi Dầu Tiếng-Phước Hòa quản lý (*Có phụ lục chi tiết kèm theo*).

Điều 2. Quy định áp dụng Định mức kinh tế kỹ thuật

1. Định mức kinh tế kỹ thuật này là căn cứ để lập và quản lý kế hoạch, đặt hàng, đấu thầu công tác quản lý khai thác công trình thủy lợi, thanh quyết toán các khoản mục chi phí quản lý, vận hành các công trình thủy lợi do Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Dầu Tiếng-Phước Hòa quản lý.

2. Định mức kinh tế kỹ thuật được xây dựng và áp dụng trong điều kiện thời tiết bình thường. Trường hợp xảy ra thiên tai, Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Dầu Tiếng-Phước Hòa báo cáo Bộ để điều chỉnh, bổ sung chi phí theo quy định hiện hành của nhà nước.

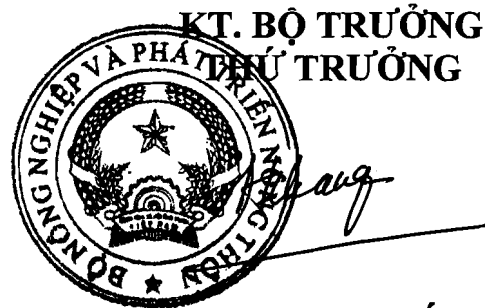
3. Trong quá trình thực hiện định mức, nếu có vướng mắc, Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Dầu Tiếng-Phước Hòa tổng hợp, báo cáo Bộ xin ý kiến chỉ đạo.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký; thay thế Quyết định số 487/QĐ/BNN-KH ngày 21/02/2006 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Định mức kinh tế kỹ thuật trong công tác quản lý khai thác công trình thủy lợi thuộc Công ty khai thác thủy lợi Dầu Tiếng (nay là Công ty TNHH MTV khai thác thủy lợi Dầu Tiếng - Phước Hòa).

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng các Vụ: Quản lý doanh nghiệp, Kế hoạch, Tài chính, Tổ chức cán bộ, Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy lợi, Chủ tịch, Giám đốc Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Dầu Tiếng-Phước Hòa và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu VT, TCTL.



Hoàng Văn Thắng



Phụ lục

Định mức chi phí quản lý khai thác công trình thủy lợi do Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Dầu Tiếng-Phước Hòa quản lý
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 4869/QĐ-BNN-TCTL ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

1. Định mức lao động trên đơn vị sản phẩm

Định mức lao động bình quân toàn Công ty là 0,266 công/ha-năm. Diện tích tính toán là diện tích tưới tiêu (ha) tạo nguồn cho nông nghiệp được nghiệm thu.

2. Định mức sửa chữa thường xuyên tài sản cố định

Định mức chi phí sửa chữa thường xuyên tài sản cố định được tính bằng 27,1% so với tổng chi phí quản lý, vận hành cho công tác tưới và tiêu nước.

3. Định mức tiêu hao vật tư nguyên nhiên liệu cho vận hành, bảo dưỡng máy móc, thiết bị công trình thủy lợi

a) Định mức tổng hợp toàn Công ty:

TT	Loại vật tư nguyên nhiên liệu	Đơn vị	Định mức
1	Dầu thủy lực	Lít/năm	13.750
2	Mỡ các loại	Kg/năm	1.027,0
3	Dầu nhờn	Lít/năm	1.649,8
4	Dầu diesel	Lít/năm	990,34
5	Giẻ lau	Kg/năm	1.175,2

b) Định mức chi tiết cho từng đơn vị: (đvt/năm)

T T	Tên trạm quản lý	Dầu thủy lực (lít)	Mỡ các loại (kg)	Dầu nhờn (lít)	Dầu diesel (lít)	Giẻ lau (kg)
1	Đội Kênh Đông	1.250	398,6	672,4	366	455
2	Đội Kênh Tây	1.250	350	592,6	320,9	401,2
3	Đội Đầu Mối	6.000	139,2	183,6	154,5	157,2
4	Cổng Thầy Cai		5,0	9,8	4,6	6,0
5	Đội QLCTTL Phước Hòa (Kênh P.Hòa)	5.250	134,2	191,4	144,4	155,8
	Cộng toàn công ty	13.750	1.027,0	1.649,8	990,34	1.175,2

4. Định mức chi phí quản lý Doanh nghiệp

a) Định mức chi phí quản lý Doanh nghiệp được tính bằng 10,1 % so với tổng chi phí quản lý vận hành cho công tác tưới nước và tiêu nước.

b) Chi phí quản lý Doanh nghiệp cho các hoạt động kinh doanh khai thác tổng hợp công trình thủy lợi tính theo quy định hiện hành.

u